|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NAM ĐỊNH**SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:/BC-LĐTBXH | *Nam Định, ngày tháng 5 năm 2024* |

 “DỰ THẢO”

**BÁO CÁO**

**Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến xây dựng**

**Nghị quyết “Giải quyết việc làm bền vững trên địa bàn tỉnh Nam Định**

 **giai đoạn 2024 – 2030”**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Giải quyết việc làm cho người lao động là một nhiệm vụ chính trị và cũng là giải pháp quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn 2014-2023, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho 345.772 lượt người, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 34.578 ngườigóp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao đời sống người dân, đảm bảo an sinh xã hội, tạo nền tảng để thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đạt được kết quả trên là do trong những năm qua tỉnh đã có nhiều chính sách để giải quyết việc làm cho người lao động. Cụ thể:

**I. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2014-2023:**

**1. Chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ tạo việc làm:** Chính sách ưu đãi cho vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm đã góp phần không nhỏ vào kết quả phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đóng vai trò quan trọng trong công tác giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Vốn vay từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm đã kịp thời hỗ trợ nhiều đối tượng: doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động đặc biệt là các lao động yếu thế như lao động là người khuyết tật, lao động thuộc khu vực nông thôn có cơ hội tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi để mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần tạo và tự tạo việc làm cho bản thân, gia đình, cộng đồng

**2. Chính sách hỗ trợ chuyển dịch việc làm đối với người lao động ở khu vực nông thôn:** Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động;

**3. Chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:** Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết; Hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**4. Chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên:**Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp và khởi sự doanh nghiệp.

**II. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện:**

Để thể chế hóa các chính sách về việc làm theo quy định của Luật Việc làm số 38/2013/QH13; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 về phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2016-2020).

UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản thể chế các nội dung nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong thực hiện chính sách về việc làm, trong đó có:

- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 04/6/2013 thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia việc làm, dạy nghề giai đoạn 2013-2015;

- Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 08/12/2015 về thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin cung cầu lao động;

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 17/12/2015 về quản lý, sử dụng vốn cho vay của Quỹ quốc gia việc làm;

- Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc chuyển nguồn vốn từ Quỹ giải quyết việc làm địa phương sang ủy thác Chi nhánh Ngân hàng xã hội tỉnh Nam Định cho vay với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 về việc bãi bỏ Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2008; Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 29/9/2010; Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND, ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 80/UBND-VP7 ngày 08/5/2017 triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư 09/2016/TTLT-BLĐTBXH- BTC hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

- Kế hoạch số 64/KH-UBND-VP7, ngày 12/6/2018 về thực hiện Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm, đến năm 2020;

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 24/12/2021về triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030;

- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 26/01/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 23/02/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 05/7/2023 về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 03/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Chỉ thị số 20-C/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Ký Thoả thuận hợp tác với chính quyền tỉnh Jeju, Hàn Quốc về đưa lao động của tỉnh Nam Định đi làm việc thời vụ trong lĩnh vực nông nghiệp tại thành phố Jeju, thành phố Seogwiponh Jeju, Hàn Quốc và ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/5/2023 về việc thực hiện đưa người lao động của tỉnh Nam Định đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo Thoả thuận ký ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa UBND tỉnh Nam Định, Việt Nam và chính quyền tỉnh Jeju, Hàn Quốc.

**2. Công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện:**

**2.1. Công tác tuyên truyền:**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã tập trung tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm để người dân biết, tiếp cận chính sách. Kết quả như sau:

*a. Tổ chức các hội nghị triển khai, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giải quyết việc làm*

Tổ chức trên 40 hội nghị tập huấn Chính sách việc làm, Chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho hơn 10 nghìn lượt đối tượng là cán bộ phòng Lao động-TB&XH phụ trách công tác Việc làm -ATLĐ, cán bộ Lao động-TB&XH các xã, thị trấn và trưởng thôn/xóm/tổ dân phố …

*b. Tuyên truyền thông qua tờ rơi, tờ gấp*

Xây dựng nội dung,in ấn và cấp phát trên 140 nghìn tờ gấp tuyên truyền về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động…

*c. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng*

Các sở, ban, ngành, đoàn thể đã có nhiều tin, bài đăng tải trên Cổng thông tin điện tử về chính sách và các thông tin liên quan đến công tác giải quyết việc làm;

Hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã thường xuyên có nhiều tin, bài tuyên truyền, phổ biến về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm của tỉnh.

**2.2. Công tác hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện:**

Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan đã tích cực hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm của tỉnh.

Hàng năm, Sở Lao động –Thương binh và Xã hội, tham mưu với UBND tỉnh về chỉ tiêu giải quyết việc làm toàn tỉnh, chỉ tiêu về lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; Kế hoạch phát triển thị trường lao động...

**2.3. Công tác kiểm tra, giám sát:**

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm của tỉnh được đặc biệt quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Sở Lao động – thương binh và xã hội phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh có nguồn vốn Giải quyết việc làm tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm tại huyện. Sau kiểm tra, đã kịp thời ghi nhận những mặt được và những tồn tại trong công tác thẩm định, cho vay vốn giải quyết việc làm; đưa ra những đề xuất, kiến nghị đối với đơn vị được ủy thác.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Giải quyết việc làm trong nước:**

Trong giai đoạn 2014-2023 đã có 321.890 lượt người được giải quyết việc làm trong nước, trong đó đã có 19.245 lượt khách hàng được vay vốn, mức cho vay bình quân đạt 54,3 triệu đồng/lao động, tổng số lao động được tạo việc làm qua chương trình cho vay là 21.493 người, trong đó lao động nữ: 14.693 người, lao động là người khuyết tật: 444 người, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp 1.560 người. Trong đó: cho vay từ nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH số tiền là 151.877 triệu đồng với 3.169 lượt khách hàng được vay vốn, tạo việc làm cho 3.439 lao động. Doanh số thu nợ của chương trình là 74.942 triệu đồng.

**2. Giải quyết việc làm ngoài nước:**

Trong giai đoạn 2014-2023, toàn tỉnh có 23.882 lượt người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó tập trung chủ yếu ở các thị trường truyền thống và có thu nhập cao, ổn định như Đài Loan (7.121 người), Nhật Bản (12.443 người), Hàn Quốc (1.529 người). Trong đó: có 16 đối tượng chính sách đi lao động ở nước ngoài được vay vốn, số tiền 794 triệu đồng từ nguồn vốn tín dụng chính sách do NHCSXH thực hiện.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

**1. Hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội của các chính sách:**

**1.1. Kết quả thực hiện giải quyết việc làm ngoài nước:**

*a. Hiệu quả kinh tế:*

Chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được người dân đón nhận và đồng tình ủng hộ. Bởi chính sách đã hỗ trợ kịp thời cho người lao động nói chung và hộ nghèo, hộ gia đình chính sách nói riêng có điều kiện đi làm việc ở nước ngoài, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, từng bước thoát nghèo. Nhờ đi lao động ở nước ngoài, đã đem về cho gia đình, địa phương một lượng ngoại tệ đáng kể xây dựng quê hương và góp phần vào chương trình giảm nghèo tại địa phương (thu nhập trung bình mỗi lao động đi làm việc ở nước ngoài dao động trong 800-1200 USD).

Bên cạnh đó, người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn được tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến, phong cách làm việc khoa học, hiện đại, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tích lũy kinh nghiệm để khi trở về nước có điều kiện phát triển kinh tế, tạo việc làm cho gia đình và cộng đồng hoặc tham gia làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn, cải thiện điều kiện sinh hoạt, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn và góp phần xây dựng nông thôn mới.

*b. Hiệu quả xã hội:*

Hình thành nếp sống văn hoá, văn minh, góp phần hạn chế sự chênh lệch giữa nông thôn và đô thị, giữa các vùng nông thôn với nhau.

Góp phần giảm tệ nạn xã hội; ngăn chặn tệ cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn, là một công cụ kinh tế thực hiện vai trò điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và là một trong những đòn bẩy kinh tế kích thích người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống, tự vươn lên khẳng định vị thế của mình trong xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới.

**1.2. Kết quả thực hiện giải quyết việc làm trong nước:**

*a. Hiệu quả kinh tế:*

Các đối tượng vay vốn đều sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, thu hút và giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập, tăng tích lũy, để trả nợ vay từ các dự án được vay vốn, đạt được mục tiêu tạo việc làm cho người lao động. Sau khi được hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, có thêm thu nhập, nhiều hộ vay đã sửa sang, xây mới nhà cửa, cải thiện cuộc sống.

*b. Hiệu quả xã hội:*

- Chính sách hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm trong nước trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tạo công ăn việc làm cho các lao động, giảm bớt các tệ nạn xã hội trong tình hình công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Chương trình đã đem lại hiệu quả thiết thực, tạo công ăn việc làm cho những lao động yếu thế, lao động nhàn dỗi, thiếu việc làm, lao động đã quá tuổi đi làm việc ở công ty... từ đó, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

**2. Đánh giá chung:**

**2.1. Kết quả đạt được:**

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện được quan tâm, chú trọng. Hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai được ban hành kịp thời, đồng bộ.

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách giải quyết việc làm được tổ chức thường xuyên, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, đơn vị liên quan.

- Các chính sách giải quyết việc làm đã đạt được những hiệu quả nhất định.

**2.2. Tồn tại, hạn chế:**

- Số lao động tiếp cận chính sách hỗ trợ cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài chưa được cao so với số lao động xuất cảnh.

- Nhu cầu vay vốn để tạo việc làm của người lao động trên địa bàn rất lớn song nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm những năm qua không được Trung ương cấp bổ sung mà chỉ thu hồi cho vay quay vòng, trong khi nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay còn hạn chế nên nguồn vốn cho vay của chương trình này chưa đáp ứng được nhu cầu vốn hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động tại địa phương (hàng năm chỉ đáp ứng được khoảng 10 - 15% nhu cầu vay vốn), và đối tượng được vay ưu tiên hạn chế do đó rất ít đối tượng có nhu cầu thiết thực tiếp cận được nguồn vốn để giải quyết việc làm.

**3. Một số kinh nghiệm trong quá trình thực hiện chính sách:**

- Một là: Quá trình thực hiện chính sách cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành, chính quyền địa phương và sự tham gia tích cực của nhân dân. Chính sách sát với thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân ủng hộ.

- Hai là: Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục; hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, nội dung cụ thể, rõ ràng, để người được hưởng chính sách nắm chắc được quyền lợi, nghĩa vụ của mình và tích cực thực hiện.

- Ba là: Nguồn ngân sách cấp cho việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm phải được quy định cụ thể, rõ ràng và phù hợp với thực tế, để nâng cao hiệu quản lý và thực hiện.

- Bốn là: Công tác kiểm tra, giám sát phải được thực hiện thường xuyên, để kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

**V. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI:**

1. Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác giải quyết việc làm.

2. Bám sát kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm của tỉnh, nhằm triển khai thực hiện đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra cả về số lượng lao được giải quyết việc làm và tính bền vững của việc làm mới được tạo ra.

3. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền cấp huyện, cấp xã trong tuyên tuyền, vận động người dân lựa chọn thị trường và đơn hàng phù hợp với trình độ, kỹ năng và sức khỏe của bản thân người lao động để đi xuất khẩu lao động.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh những hạn chế, kịp thời phát hiện vướng mắc trong thực hiện chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến xây dựng Nghị quyết “Giải quyết việc làm bền vững trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2024 – 2030”. Sở Lao động – Thương binh và xã hội báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc xây dựng Nghị quyết./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;- Văn phòng UBND tỉnh;- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;- NHCSXH chi nhánh tỉnh;- Lưu: VT, VLATLĐ. |  | **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC****Lưu Văn Tuyển** |